

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 299/2022/DS-PT.

Ngày: 08/8/2022.

V/v: Tranh chấp di sản thừa kế  
là QSD đất.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Với thành phần:

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trí Cường.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Thái và bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Phương Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Vĩnh Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 08/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 178/2022/TLPT-DS ngày 26/5/2022 do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DSST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.T bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 305/2022/QĐXX-PT ngày 12/7/2022.

Vụ án xét xử giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Ông P.V.L, sinh năm 1946 (có kháng cáo).

- Ông P.V.Q, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Đội 2, thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông P.V.H, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Đội 2, thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà P.T.K, sinh năm 1959 (có kháng cáo).

Địa chỉ: Thôn Đông Trạch, xã Ngũ Hiệp, huyện T.T, thành phố Hà Nội, có mặt tại phiên tòa.

- Bà C.T.V, sinh năm 1973.

- Chị P.T.H, sinh năm 1998.

- Chị P.T.L, sinh năm 2004.

Cùng trú tại: Đội 2, thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội, đều xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Vợ chồng cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến sinh được 05 con chung gồm: Ông P.V.L, ông Phạm Văn Quyến, ông P.V.Q, bà P.T.K và ông P.V.H. Trong đó, ông Phạm Văn Quyến đi bộ đội và hy sinh tại chiến trường Quảng Trị năm 1972 và không vợ con. Ngoài ra, cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến không có con nuôi, con riêng nào khác.

Cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến được Nhà nước giao sử dụng 380 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 12, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ thông Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội, trong đó có 300 m<sup>2</sup> đất ở và 80 m<sup>2</sup> đất vườn. Cụ Phạm Văn Đài đã được UBND huyện T.T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 861496 ngày 24/6/2004 đối với thửa đất nêu trên.

Tài sản trên đất gồm có:

- Ngôi nhà cấp bốn, tường xây lợp ngói và một gian bếp, khu vệ sinh cũ có tổng diện tích khoảng 70 m<sup>2</sup>; một giếng khoan; một bể chứa nước ăn. Đây là công trình do cụ Phạm Văn Đài xây dựng từ năm 1987.

- Cuối năm 2009 ông P.V.H cải tạo khu bếp và khu vệ sinh để phục vụ sinh hoạt của gia đình.

Cụ Phạm Thị Luyến chết năm 1989 và cụ Phạm Văn Đài chết năm 2005 đều không để lại di chúc.

Ngày 29/12/2013, bốn anh em gồm ông P.V.L, ông P.V.Q, ông P.V.H và bà P.T.K lập biên bản phân chia đất như sau:

- Ông P.V.Q được chia 4 m ngang phía giáp nhà ông Nguyễn.
- Ông P.V.L được chia 4 m ngang.
- Bà P.T.K được chia 3 m ngang.
- Còn lại là ông P.V.H được 11 m ngang.
- Sau này đo không đủ thì anh em dịch chuyển kích thước với nhau.
- Ngoài ra biên bản còn ghi về nghĩa vụ trả tiền san lấp đất.

Do không thực hiện được phương án phân chia nhà đất của cha mẹ để lại nên ông P.V.L và ông P.V.Q khởi kiện vụ án dân sự với yêu cầu chia thừa kế di sản là quyền sử dụng thửa đất nêu trên. Ông P.V.Q đề nghị chia thừa kế theo pháp luật vì bản thân chưa được chia đất ở.

\* Bị đơn là ông P.V.H trình bày là con út trong gia đình nhưng đã ở nhà đất và chăm sóc cha là cụ Phạm Văn Đài khi còn sống. Sau khi cụ Phạm Văn Đài chết từ năm 2005 đến nay thì ông P.V.H quản lý nhà đất.

Ông P.V.H còn khai ngoài thửa đất số 12, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ thông Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội xảy ra tranh chấp thì cha

mẹ còn có hai thửa đất khác, hiện do gia đình ông P.V.L và gia đình ông P.V.Q quản lý. Cụ thể:

- Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 21 xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội hiện do ông P.V.L đang quản lý, sử dụng vì có nguồn gốc chính quyền cấp và cụ Phạm Văn Đài đã cho ông P.V.L.

- Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 21 xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội hiện do ông P.V.Q quản lý sử dụng có nguồn gốc cha mẹ mua và cho ông P.V.Q ra ở riêng.

Ông P.V.H yêu cầu phản tố phân chia đôi với hai thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, sau đó ông P.V.H xin rút yêu cầu phản tố.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà C.T.V thống nhất với lời khai của chồng là ông P.V.H.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà P.T.K thống nhất nội dung khai của ông P.V.H và đề nghị chia toàn bộ di sản thừa kế của cha mẹ để lại theo quy định của pháp luật.

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị P.T.H và chị P.T.L là con của ông P.V.H khai không đóng góp công sức liên quan đến nhà đất của ông bà nội để lại.

\* Kết quả xác minh, định giá như sau:

- Giá trị quyền sử dụng 1 m<sup>2</sup> đất ở là 18.000.000 đồng.
- Giá trị quyền sử dụng 1 m<sup>2</sup> đất vườn bằng ½ giá trị đất ở là 9.000.000 đồng.
- Công sức san lấp đất nền là 100.000 đồng/m<sup>3</sup>.
- Giá trị tài sản gắn liền với đất:
  - + 68,4 m<sup>2</sup> nhà cấp bốn x 2.525.000 đồng/m<sup>2</sup> x 20% = 34.542.000 đồng.
  - + 53,5 m<sup>2</sup> nhà tạm (T1) x 1.267.000 đồng/m<sup>2</sup> x 20% = 13.556.900 đồng.
  - + 10,5 m<sup>2</sup> nhà tạm (T2) x 1.267.000 đồng/m<sup>2</sup> x 20% = 2.660.000 đồng.
  - + 14,7 m<sup>2</sup> nhà tạm (T3) x 1.267.000 đồng/m<sup>2</sup> x 20% = 3.724.980 đồng.
  - + 19,8 m<sup>2</sup> nhà tạm (T4) x 1.267.000 đồng/m<sup>2</sup> x 20% = 5.017.320 đồng.
  - + 59 m<sup>2</sup> sân bê tông x 293.000 đồng/m<sup>2</sup> x 20% = 3.457.400 đồng.
  - + 02 trụ cổng (kích thước 0,35 m x 0,35 m x 2,4 m) x 1.000.000 đồng/m<sup>3</sup> x 20% = 117.600 đồng.
  - + 02 cánh cổng sắt (kích thước 24 m x 2,6 m) x 527.000 đồng/m<sup>2</sup> x 20% = 657.700 đồng.
  - + Bể chứa nước (kích thước 1,8 m x 1,2 m x 1,5 m) x 2.941.000 đồng x 30% = 2.859.000 đồng.
  - + 05 Cây Cau đường kính thân cây là 0,2 m x 180.000 đồng/cây = 900.000 đồng.

- + 07 Cây Bưởi có đường kính thân cây là 0,2 m x 410.000 đồng/cây = 2.872.800 đồng.
- + 02 Cây Hồng Xiêm trị giá 684.000 đồng và 159.000 đồng.
- + 02 cây nhãn x 400.000 đồng/cây = 800.000 đồng.
- + 01 cây mít trị giá 800.000 đồng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DSST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.T đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.V.L và ông P.V.Q về chia di sản thừa kế. Chia cụ thể:

1. Ông P.V.Q được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 66,4 m<sup>2</sup> đất và cây trồng trên đất, được giới hạn bởi các điểm 9,10,11,12,9 của sơ đồ chi tiết kèm theo.

- Ông P.V.L được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 53 m<sup>2</sup> đất và cây trồng trên đất, giới hạn bởi các điểm 8,9,12,13,8 của sơ đồ chi tiết kèm theo.

- Bà P.T.K được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt 53 m<sup>2</sup> đất và cây trồng trên đất, giới hạn bởi các điểm 7,8,13,14,7 của sơ đồ chi tiết kèm theo.

- Ông P.V.H được quyền quản lý, sử dụng, định đoạt phần đất còn lại có diện tích 188,8 m<sup>2</sup>, trong đó có 80 m<sup>2</sup> đất vườn và các công trình trên đất, giới hạn bởi các điểm 1,2,3,4,5,6,7,14,15,16,17 của sơ đồ chi tiết kèm theo.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông P.V.H về việc chia di sản là quyền sử dụng đất do ông P.V.L, ông P.V.Q đang quản lý, sử dụng.

3. Ông P.V.L phải thanh toán cho ông P.V.H số tiền 12.118.000 đồng.

- Ông P.V.Q phải thanh toán cho ông P.V.H số tiền 20.197.000 đồng.

- Bà P.T.K phải thanh toán cho ông P.V.H số tiền 8.079.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân huyện T.T còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi suất khi chậm thanh toán tiền; quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự trong vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bản án của Tòa án nhân dân huyện T.T bị kháng cáo như sau:

- Ngày 18/4/2022 ông P.V.L kháng cáo đề nghị được chia 4 m đất chiều ngang.

- Ngày 22/4/2022 bà P.T.K kháng cáo đề nghị chia ông P.V.H 11 m đất chiều ngang, còn lại 11 m đất chiều ngang chia đều cho ông P.V.L, ông P.V.Q và bà P.T.K.

- Ngày 27/4/2022 ông P.V.H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Các đương sự giữ nguyên quan điểm khởi kiện, quan điểm kháng cáo và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến: Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Hội đồng xét

xử phúc thẩm đúng quy định của pháp luật; các đương sự đã được tạo điều kiện thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung: Đề nghị bác kháng cáo của ông P.V.H và chấp nhận một phần kháng cáo của ông P.V.L, bà P.T.K để sửa án sơ thẩm theo hướng: Giữ nguyên phần chia cho ông P.V.H. Phần còn lại là 11 m ngang thì chia đều cho ông P.V.L, ông P.V.Q và bà P.T.K.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thu thập và được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

### **Về tố tụng:**

[1]. Kháng cáo của ông P.V.L, ông P.V.H và bà P.T.K đảm bảo các điều kiện về chủ thể kháng cáo, thời hạn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo là hợp lệ.

[2]. Ông P.V.L và ông P.V.Q khởi kiện chia di sản thừa kế đối với ông P.V.H. Địa chỉ của bị đơn cũng là nơi bất động sản tranh chấp tại xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T.T thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Phạm Thị Luyến chết năm 1989 và cụ Phạm Văn Đài chết năm 2005. Tính đến ngày 19/9/2019 ông P.V.L và ông P.V.Q khởi kiện chia thừa kế là còn thời hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự.

[4]. Hoạt động tố tụng của Tòa án nhân dân huyện T.T xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vợ, con của ông P.V.H đã được Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hợp lệ và vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai. Căn cứ Điều 294 và Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

### **Về nội dung:**

[5]. Xác định di sản thừa kế.

[5.1]. Đơn khởi kiện của ông P.V.L, ông P.V.Q yêu cầu chia di sản thừa kế là 380 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 12, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ thôn Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội. Tất cả các đương sự trong vụ án đều thừa nhận thửa đất này của cha mẹ là vợ chồng cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến để lại. Đến nay thửa đất vẫn đứng tên cụ Phạm Văn Đài theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng thửa đất mà UBND huyện T.T cũng đã cấp. Do đó, căn cứ Điều 612 Bộ luật Dân sự; Điều 167, Điều 168 Luật Đất đai năm 2013 để xác định quyền sử dụng 380 m<sup>2</sup> đất tại thửa số 12, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ thông Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến.

Mặc dù di sản trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 380 m<sup>2</sup>. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T.T phân chia cho ông P.V.Q 88,4 m<sup>2</sup>; chia cho ông P.V.L 53 m<sup>2</sup>; chia cho bà P.T.K 53 m<sup>2</sup> và chia cho ông P.V.H 188,8 m<sup>2</sup>. Như vậy, tổng diện tích phân chia là 383,2 m<sup>2</sup> đã nhiều hơn diện tích đất có trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Tòa án nhân dân huyện T.T chưa làm rõ diện tích đất chênh lệch nhiều hơn để giải quyết đúng đắn là thiếu sót. Quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm, các đương sự đều khai thực tế diện tích đất ít hơn trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng và đề nghị thẩm định lại tài sản. Kết quả đo đạc ngày 03/6/2022 của Công ty Cổ phần phát triển công nghệ đo đạc và bản đồ Hà Nội cho thấy diện tích đất thực tế của thửa số 12, tờ bản đồ số 21 tại địa chỉ thông Đại Lan, xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội chỉ là 379,6 m<sup>2</sup>. Do đó, cần sửa bản án sơ thẩm về xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất trong vụ án là 379,6 m<sup>2</sup>, trong đó có 300 m<sup>2</sup> đất ở và 79,6 m<sup>2</sup> đất vườn.

[5.2]. Quá trình tham gia tố tụng, ông P.V.H khai khi cha mẹ còn sống đã tạo lập cho ba con trai đều có nơi ở. Ông P.V.H có đơn yêu cầu phản tố cho rằng: Thửa đất do ông P.V.L đang quản lý, sử dụng cũng như thửa đất do ông P.V.Q đang quản lý, sử dụng cũng có nguồn gốc của cha mẹ tạo lập. Kết quả xác minh cho thấy:

- + Thửa đất số 2, tờ bản đồ số 21 xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội là do Chính quyền địa phương cấp cho gia đình ông P.V.L trong trường hợp chạy lở bờ sông, không liên quan đến cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến.

- + Thửa đất số 24, tờ bản đồ số 21 xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội là do năm 1978 ông P.V.Q nhận chuyển nhượng của gia đình bà Phạm Thị Thanh, không phải do cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến mua cho ông P.V.Q.

Sau đó ông P.V.H xin rút yêu cầu phản tố nên Tòa án nhân dân huyện T.T đã đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố là đúng nguyên tắc tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 và khoản 2 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân huyện T.T không tuyên rõ nội dung đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố nên cần bổ sung thông tin về tài sản đương sự không còn tranh chấp trong vụ án.

[5.3]. Khi chia thừa kế, Tòa án nhân dân huyện T.T không xem xét di sản là ngôi nhà và một số công trình phụ trên đất, không xem xét công sức tôn tạo, quản lý di sản của vợ chồng ông P.V.H là thiếu sót. Tuy nhiên, quá trình tham gia

tổ tụng tại cấp phúc thẩm, các đương sự đều thống nhất không yêu cầu chia di sản thừa kế là ngôi nhà cấp bốn và công trình trên đất nên cần ghi nhận. Các đương sự thỏa thuận chia thừa kế bằng hiện vật, người nào được sử dụng đất ở vị trí sẽ được sở hữu tài sản là công trình, cây trồng trên đất. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thống nhất của đương sự trong vụ án để giải quyết.

[6]. Về hình thức chia thừa kế.

Các đương sự trong vụ án đều thừa nhận cụ Phạm Thị Luyến và cụ Phạm Văn Đài chết và không để lại di chúc. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T.T xác định hình thức chia thừa kế theo pháp luật là đúng.

[7]. Về hàng thừa kế.

Cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến sinh được 05 người con, trong đó ông Phạm Văn Quyền là liệt sĩ hy sinh năm 1972 tại Quảng Trị. Như vậy, ông Phạm Văn Quyền chết trước cha mẹ và không vợ con nên không xác định là người thừa kế của cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến theo quy định tại Điều 613 Bộ luật Dân sự. Lời khai bổ sung của các đương sự trong vụ án tại giai đoạn xét xử phúc thẩm đều thể hiện cha mẹ của cụ Phạm Thị Luyến là cụ cố Phạm Văn Tiến và cụ cố Đặng Thị Ôn đều chết trước cụ Phạm Thị Luyến; cha mẹ của cụ Phạm Văn Đài là cụ cố Phạm Đồng Phù và cụ cố Phạm Thị Bền đều chết trước cụ Phạm Văn Đài. Do đó, tại thời điểm mở thừa kế của cụ Phạm Thị Luyến năm 1989 thì hàng thừa kế thứ nhất gồm cụ Phạm Văn Đài và 04 người con là ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K và ông P.V.H. Năm 2005 cụ Phạm Văn Đài chết, những người được hưởng thừa kế của cụ Phạm Văn Đài là ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K và ông P.V.H. Tòa án nhân dân huyện T.T xác định những người thừa kế của cụ Phạm Thị Luyến và cụ Phạm Văn Đài là đúng quy định tại Điều 613 Bộ luật Dân sự.

[8]. Về công sức: Do vợ chồng ông P.V.H là người trực tiếp ở cùng, chăm sóc cụ Phạm Văn Đài, cụ Phạm Thị Luyến và quản lý di sản thừa kế từ thời điểm mở thừa kế đến nay. Do đó, tính công sức quản lý và tôn tạo di sản cho vợ chồng ông P.V.H bằng một suất thừa kế.

[9]. Các đương sự trong vụ án chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, không yêu cầu chia thừa kế phần tài sản trên đất, đồng thời thỏa thuận chia di sản bằng hiện vật vì trong anh em không ai có điều kiện thanh toán bằng giá trị cho nhau và đương sự được chia vị trí đất nào thì được sở hữu tài sản gắn liền với đất mà không phải thanh toán giá trị tài sản cho nhau. Do đó Tòa án nhân dân huyện T.T phân chia thừa kế quyền sử dụng đất bằng hiện vật là phù hợp.

Giá trị di sản là quyền sử dụng đất được xác định tại Biên bản định giá ngày 03/3/2022 là 18.000.000 đồng/m<sup>2</sup> đất ở. Do đó, 300 m<sup>2</sup> đất ở có trị giá

5.400.000.000 đồng. Tại Biên bản xác minh ngày 04/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.T với đại diện chính quyền xã Duyên Hà thì giá trị đất vườn liền kề trong cùng thửa đất ở có trị giá bằng  $\frac{1}{2}$  đất ở. Do đó, 79,6 m<sup>2</sup> đất vườn có trị giá 716.400.000 đồng.

Giá trị 379,6 m<sup>2</sup> đất là 6.116.400.000 đồng, trong đó của cụ Phạm Văn Đài và cụ Phạm Thị Luyến mỗi người là 3.058.200.000 đồng.

Năm 1989 cụ Phạm Thị Luyến chết, di sản của cụ Phạm Thị Luyến chia cho chồng là cụ Phạm Văn Đài, bốn con là ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K, ông P.V.H và một suất trích công sức tôn tạo. Mỗi kỹ phần được chia 509.700.000 đồng.

Năm 2005, cụ Phạm Văn Đài chết, di sản của cụ Phạm Văn Đài là 3.058.200.000 đồng cùng với 509.700.000 đồng được hưởng thừa kế của cụ Phạm Thị Luyến, cộng bằng 3.567.900.000 đồng. Phần di sản này được chia thừa kế cho bốn con là ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K, ông P.V.H và một suất trích công sức tôn tạo. Mỗi kỹ phần được chia là 713.580.000 đồng.

Như vậy, các đương sự được chia theo giá trị là:

- Ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K mỗi người được hưởng thừa kế: 509.700.000 đồng + 713.580.000 đồng = 1.223.280.000 đồng.

- Ông P.V.H được hưởng thừa kế và được trích công sức từ di sản là: 2.446.560.000 đồng.

Như đã nhận định phần trên, các đương sự đều khai vì điều kiện kinh tế không cho phép để thanh toán giá trị cho nhau nên xin chia thừa kế bằng hiện vật. Do đó, cần phân chia đất như sau:

- Ông P.V.Q được sử dụng 4 m ngang với diện tích 70,7 m<sup>2</sup> đất ở tại vị trí giáp nhà đất ông Phạm Sinh Huy, có trị giá 1.272.600.000 đồng. So với kỹ phần thừa kế thì ông P.V.Q được chia thực tế nhiều hơn là: 1.272.600.000 đồng - 1.223.280.000 đồng = 49.320.000 đồng.

- Bà P.T.K được sử dụng 4 m ngang với diện tích 70,4 m<sup>2</sup> đất ở tại vị trí giáp phần đất chia cho ông P.V.Q, có trị giá 1.267.200.000 đồng. So với kỹ phần thừa kế thì bà P.T.K cũng được chia thực tế nhiều hơn là: 1.267.200.000 đồng - 1.223.280.000 đồng = 43.920.000 đồng.

- Ông P.V.L được sử dụng 5 m ngang với diện tích 87,9 m<sup>2</sup> trong đó có 60 m<sup>2</sup> đất ở và 27,9 m<sup>2</sup> đất vườn trị giá: 1.331.100.000 đồng. So với kỹ phần thừa kế thì ông P.V.L được chia thực tế nhiều hơn là: 1.331.100.000 đồng - 1.223.280.000 đồng = 107.820.000 đồng.

- Ông P.V.H và bà C.T.V được sử dụng 150,6 m<sup>2</sup> trong đó có 98,9 m<sup>2</sup> đất ở trị giá 1.780.200.000 đồng và 51,7 m<sup>2</sup> đất vườn trị giá 465.300.000 đồng, tổng là 2.245.500.000 đồng. So với giá trị tài sản được phân chia thì ông P.V.H cùng vợ là bà C.T.V còn thiếu là:



2.245.500.000 đồng - 2.255.400.000 đồng = 201.060.000 đồng.

Ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K có trách nhiệm thanh toán cho ông P.V.H và bà C.T.V số tiền được chia hiện vật nhiều hơn kỷ phần thừa kế như đã nhận định ở trên.

**10. Về án phí:**

- Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Tòa án nhân dân huyện T.T báo nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đối với ông P.V.L, bà P.T.K là không phù hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trả lại ông P.V.L, bà P.T.K và ông P.V.H số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

- Do sửa án sơ thẩm để phân chia lại kỷ phần thừa kế và công sức nên:

+ Ông P.V.H và bà C.T.V phải chịu án phí theo giá ngạch của số tiền 2.245.500.000 đồng là 76.910.000 đồng.

+ Ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Từ nhận định trên.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

**QUYẾT ĐỊNH**

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện T.T, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông P.V.L, ông P.V.Q.

2. Xác định di sản để chia thừa kế của Phạm Thị Luyến và cụ Phạm Văn Đài là 379,6 m<sup>2</sup>, trong đó có 300 m<sup>2</sup> đất ở và 79,6 m<sup>2</sup> đất vườn có tổng trị giá 6.116.400.000 đồng.

Di sản của cụ Phạm Thị Luyến là 3.058.200.000 đồng.

Di sản của cụ Phạm Văn Đài là 3.567.900.000 đồng.

- Xác định thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Phạm Thị Luyến là năm 1989. Những người được hưởng thừa kế của cụ Phạm Thị Luyến là cụ Phạm Văn Đài, ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K và ông P.V.H.

- Xác định thời điểm mở thừa kế di sản của cụ Phạm Văn Đài là năm 2005. Những người được hưởng thừa kế của cụ Phạm Văn Đài là ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K và ông P.V.H.

- Trích công sức chăm sóc, duy trì tôn tạo di sản cho vợ chồng ông P.V.H, bà C.T.V bằng 01 suất thừa kế từ di sản.

3. Chia thừa kế theo giá trị:

- Ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K mỗi người được 1.223.280.000 đồng.

- Ông P.V.H cùng vợ là bà C.T.V được 2.245.500.000 đồng (bà C.T.V được chia công sức duy trì, tôn tạo di sản).

4. Chia bằng hiện vật:

- Ông P.V.H và bà C.T.V được sử dụng 150,6 m<sup>2</sup> đất trong đó có 98,9 m<sup>2</sup> đất ở và 51,7 m<sup>2</sup> đất vườn có trị giá 2.245.500.000 đồng. Vị trí đất có ký hiệu 1,2,d,c,1 của Sơ đồ phân chia đất kèm theo.

- Ông P.V.L được sử dụng 87,9 m<sup>2</sup> đất trong đó có 60 m<sup>2</sup> đất ở và 27,9 m<sup>2</sup> đất vườn có trị giá 1.331.100.000 đồng. Vị trí đất có ký hiệu b,c,d,b của Sơ đồ phân chia đất kèm theo.

- Bà P.T.K được sử dụng 70,4 m<sup>2</sup> đất ở có trị giá 1.267.200.000 đồng. Vị trí đất có ký hiệu a,b,e,f,a của Sơ đồ phân chia đất kèm theo.

- Ông P.V.Q được sử dụng 70,7 m<sup>2</sup> đất ở có trị giá 1.272.600.000 đồng. Vị trí đất có ký hiệu 4,a,f,3,4 của Sơ đồ phân chia đất kèm theo.

5. Đối trừ chênh lệch giữa chia hiện trạng với giá trị kỷ phân thừa kế thì:

- Ông P.V.L phải thanh toán cho ông P.V.H và bà C.T.V số tiền 107.820.000 đồng (*một trăm linh bảy triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Ông P.V.Q phải thanh toán cho ông P.V.H và bà C.T.V số tiền 49.320.000 đồng (*bốn chín triệu, ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Bà P.T.K phải thanh toán cho ông P.V.H và bà C.T.V số tiền 43.920.000 đồng (*bốn ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông P.V.H và bà C.T.V có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên mà ông P.V.L, ông P.V.H và bà P.T.K chậm thanh toán thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K và ông P.V.H không yêu cầu phân chia di sản là ngôi nhà cấp bốn, công trình phụ và cây trồng trên đất.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông P.V.H không yêu cầu thanh toán giá trị tài sản, cây trồng trên đất phân chia.

- Ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K, ông P.V.H và bà C.T.V được sở hữu tài sản, công trình, cây trồng trên vị trí đất được phân chia của sơ đồ kèm theo.

7. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông P.V.H về việc xác định và phân chia thừa kế tài sản đối với:

- Thừa đất số 2, tờ bản đồ số 21 xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội hiện do ông P.V.H quản lý, sử dụng.

- Thừa đất số 24, tờ bản đồ số 21 xã Duyên Hà, huyện T.T, thành phố Hà Nội hiện do ông P.V.Q quản lý sử dụng.

8. Về án phí:

8.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự trong vụ án là ông P.V.L, ông P.V.Q, bà P.T.K.

- Ông P.V.H và bà C.T.V liên đới phải nộp 76.910.000 đồng (*bảy sáu triệu, chín trăm mười nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông P.V.L 23.100.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 6933 ngày 27/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.T, thành phố Hà Nội.

- Trả lại ông P.V.Q 23.100.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 6935 ngày 27/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.T, thành phố Hà Nội.

- Trả lại ông P.V.H 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 9562 ngày 28/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.T, thành phố Hà Nội.

8.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông P.V.L, bà P.T.K, ông P.V.H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại ông P.V.L 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 62467 ngày 18/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.T, thành phố Hà Nội.

- Trả lại ông P.V.H 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 62499 ngày 27/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.T, thành phố Hà Nội.

- Trả lại bà P.T.K 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai số 62486 ngày 22/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.T, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND huyện T.T;
- Chi cục THADS huyện T.T;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ /VPTA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Trí Cường**

